

QUYẾT ĐỊNH

**V/v điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học, mã số 7720602, hình thức đào tạo chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 17/09/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thành Đông;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế 60/QĐ-ĐHTĐ ngày 25/05/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Y Dược và Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh và ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học, mã số 7720602, hình thức đào tạo chính quy, bao gồm: Bản Mô tả chương trình đào tạo; Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; Khung chương trình đào tạo và Bộ đề cương chi tiết học phần (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và được áp dụng cho đào tạo sinh viên đại học chính quy từ khóa 16 (nhập học từ năm học 2025–2026).

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng khoa Y Dược, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT, QLCL, Khoa



HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Hùng

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2025

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, MÃ SỐ 7720602

(Ban hành kèm theo Quyết định số 640 /QĐ-ĐHTĐ ngày 28 / 4/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				STT HP tiên quyết	Học kỳ
				LT	TH/B T/TL	TT ngoài trường	Tự học		
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Nhóm học phần bắt buộc									
1	PML0071	Triết học Mác-Lênin	3	40	10		90		I
2	EML0071	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	25	10		60	1	II
3	SSO0071	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	25	10		60	2	III
4	HTH0071	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	10		60	1	V

TT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Số tiết				STT HP tiên quyết	Học kỳ
					LT	TH/B T/TL	TT ngoài trường	Tự học		
5	HIS0071	Lịch sử Đảng CSVN	History of Vietnamese Communist Party	2	25	10		60	4	VI
	*Ngoại ngữ: Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ sau			11						
	Tiếng Anh									
6	BEN10071	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	3	45	0		90		I
7	BEN20071	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	45	0		90	6	II
8	BEN30071	Tiếng Anh cơ bản 3	Basic English 3	3	45	0		90	7	III
9	PEN1171	Tiếng Anh c. ngành	English for Diagnostic Imaging	2	30	0		60	8	IV
	Tiếng Trung									
6	CHI10071	Tiếng Trung cơ bản 1	Basic Chinese 1	3	45	0		90		I
7	CHI20071	Tiếng Trung cơ bản 2	Basic Chinese 2	3	45	0		90	6	II
8	CHI30071	Tiếng Trung cơ bản 3	Basic Chinese 3	3	45	0		90	7	III
9	CNS1271	Tiếng Trung chuyên ngành	Chinese for Diagnostic Imaging	2	30	0		60	8	IV

TT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Số tiết				STT HP tiên quyết	Học kỳ
					LT	TH/B T/TL	TT ngoài trường	Tự học		
10	BIT0071	Tin học đại cương	Basic Information Technology	3	30	30		90		I
11	SSK0071	Kỹ năng mềm	Soft skills	2	20	20		60		II
12	SUP0071	Khởi nghiệp	Start up	2	20	20		60		I
13	TID0071	Kỹ năng soạn thảo và ban hành văn bản	Technical drafting and issuance of document	2	20	20		60		II
14	PAS0071	Xác suất và thống kê	Probability and statistics	2	30	0		60		I
15	SAL0071	Nhà Nước và Pháp luật	State and law	2	30	0		60		IV
16	RME0071	Phương pháp NCKH	Methods of scientific research	2	30	0		60	14	II
17	PAB1171	Vật lý - Lý sinh	Physics and biophysics	2	30	0		60		I
18	CMT2031	Hóa học		2	30	0		60		II
19	BAG2031	Sinh học và di truyền		2	30	0		60		I
12. Nhóm học phần điều kiện										
20	SME0071	Giáo dục ANQP	National education	8*						II

TT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Số tiết				STT HP tiên quyết	Học kỳ
					LT	TH/B T/TL	TT ngoài trường	Tự học		
21	PED0071	Giáo dục thể chất	Physical education	3*						I
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành										
<i>Nhóm học phần bắt buộc</i>										
22	INM1071	Nhập môn ngành	Introduction to the Major	1	15	0		30		I
23	MPE2031	Tâm lý - Đạo đức y học	Medical Psychology and Medical Ethics	2	30	0		60		III
24	AAP2031	Giải phẫu - Sinh lý	Anatomy and Physiology	3	30	30		90		I
25	PMC2031	Dược lý	Pharmacology	2	30	0		60		III
26	BCM2031	Hóa sinh	Chemistry	2	30	0		60		III
27	AOD2031	Giải phẫu bệnh	Anatomical Pathology	2	15	30		60		II
28	PSI2031	Sinh lý bệnh - Miễn Dịch	Pathophysiology and Immunology	2	30	0		60		III
29	BSN2031	Điều dưỡng cơ bản	Fundamentals of Nursing	2	15	30		60		III

TT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Số tiết				STT HP tiên quyết	Học kỳ
					LT	TH/B T/TL	TT ngoài trường	Tự học		
30	PTL2031	Bệnh học	Pathology	2	30	0		60		IV
31	EID2031	Dịch tễ học	Epidemiology	2	30	0		60		IV
32	OEE2031	Tổ chức và quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	Health Organization and Management – National Health Programs – Health Education	2	30	0		60		IV
2.2. Khối kiến thức chuyên ngành										
<i>Nhóm học phần bắt buộc</i>										
33	PIM2031	Nguyên lý cơ sở các phương pháp tạo ảnh y học và kỹ thuật lưu giữ hình ảnh	Fundamental Principles of Medical Imaging Modalities and Image Archiving Techniques	3	30	30		90		III
34	AXC2031	Giải phẫu X-Quang thường quy	Conventional Radiographic Anatomy	4	30	60		120		IV
35	SFA2031	Kỹ thuật chụp X-Quang	Conventional	3	30	30		90		IV

TT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Số tiết				STT HP tiên quyết	Học kỳ
					LT	TH/B T/TL	TT ngoài trường	Tự học		
		thông thường sọ, mặt, bụng	Radiographic Techniques of the Skull, Facial Bones, and Abdomen							
36	LSC2031	Kỹ thuật chụp X-Quang chi, cột sống, ngực	onventional Radiographic Techniques of the Extremities, Spine, and Chest	4	30	60		120		V
37	RDU2031	Kỹ thuật chụp X-Quang đặc biệt tiêu hoá	Special Radiographic Techniques of the Gastrointestinal Tract	2	15	30		60		V
38	RCG2031	Kỹ thuật chụp X-Quang đặc biệt tiết niệu - sinh dục	Special Radiographic Techniques of the Genitourinary System	2	15	30		60		V
39	TTB2031	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính cơ bản	Basic Computed Tomography (CT) Imaging Techniques	4	30	60		120		VII
40	TBM2031	Kỹ thuật chụp cộng	Magnetic Resonance	4	30	60		120		VI

TT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Số tiết				STT HP tiên quyết	Học kỳ
					LT	TH/B T/TL	TT ngoài trường	Tự học		
		hướng từ	Imaging (MRI) Techniques							
41	NBR2031	Y học hạt nhân - Xạ trị cơ bản	Basic Nuclear Medicine and Radiation Therapy	4	30	60		120		VI
42	UST2031	Kỹ thuật siêu âm	Ultrasound Imaging Techniques	4	30	60		120		VI
43	RDS2031	An toàn bức xạ	Radiation Safety	2	30	0		60		III
44	MMT2031	Bảo quản máy	Equipment Maintenance and Preservation	2	15	30		60		IV
45	SI12031	Triệu chứng học hình ảnh 1	Imaging Semiology 1	4	30	60		120		V
46	SI22031	Triệu chứng học hình ảnh 2	Imaging Semiology 2	4	30	60		120		VI
47	OMS2031	Tổ chức và quản lý Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	Organization and Management of the Department of Diagnostic Imaging	2	30	0		60		V

TT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Số tiết				STT HP tiên quyết	Học kỳ
					LT	TH/B T/TL	TT ngoài trường	Từ học		
48	HGX2031	THBV 1 (Kỹ thuật X quang thông thường)	Hospital Internship 1	2	0		90	90		VII
49	HGX2031	Thực hành bệnh viện (Kỹ thuật X quang đặc biệt)	Hospital Internship 2	2	0		90	90		VII
50	HCT2031	THBV 2 (Kỹ thuật X quang cắt lớp vi tính)	Hospital Internship 3	2	0		90	90		VIII
51	HMT2031	THBV 3 (Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ)	Hospital Internship 4	2	0		90	90		VIII
52	HNE2031	Thực hành bệnh viện 4 (Kỹ thuật Y học hạt nhân)	Hospital Internship 5	2	0		90	90		VIII
53	HRT2031	Thực hành bệnh viện 5 (Kỹ thuật Xạ trị)	Hospital Internship 5	2	0		90	90		VIII
		Nhóm học phần tự chọn (chọn 12/20)		6	90	0	270	450		
54	TTM2031	KT chụp cắt lớp vi tính	Cardiovascular Computed	4	30		90	150		V

TT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Số tiết				STT HP tiên quyết	Học kỳ
					LT	TH/B T/TL	TT ngoài trường	Tự học		
		và chụp cộng hưởng từ tim mạch	Tomography and Magnetic Resonance Imaging Techniques							
55	NMT2031	KT chụp cộng hưởng từ thần kinh cơ xương khớp	Neuro-Musculoskeletal Magnetic Resonance Imaging Techniques	4	30		90	150		V
56	XIA2031	Kỹ thuật chụp Xquang can thiệp mạch máu	Interventional Vascular Radiography Techniques	4	30		90	150		V
57	ANM2031	Y học hạt nhân nâng cao	Advanced Nuclear Medicine	4	30		90	150		V
58	AT2031	Xạ trị nâng cao	Advanced Radiotherapy	4	30		90	150		V
2.3. Nhóm học phần tốt nghiệp										
<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>										
59	GTH1171	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation thesis	7		0	315	315		VIII
<i>Học phần thay thế khóa luận TN</i>										
60	TCM2031	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi	Computed Tomography	3	45		0	90		VIII

TT	Mã HP	Tên học phần		Số TC	Số tiết				STT HP tiên quyết	Học kỳ
					LT	TH/B T/TL	TT ngoài trường	Tự học		
		tính sọ - ngực - bụng và chụp cộng hưởng từ sọ - cột sống – bụng	of the Head, Chest, and Abdomen and Magnetic Resonance Imaging of the Head, Spine, and Abdomen Techniques							
61		Thực hành học phần bổ sung	Practical Component of Supplementary Courses	4	0		180	180		VIII
Tổng cộng				144	1355	890	1305	4950		
Tổng số tín chỉ bắt buộc: 144 Tổng số tín chỉ tự chọn: 6										

HIỆU TRƯỞNG



Lê Văn Hùng

KHOA Y DƯỢC

(Handwritten signature)

Phùng Đức Cam